

Số: 36/2025/QĐST-LĐ

Tân Uyên, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Tân Uyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 27/2025/TLST-VLĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 27/2025/QĐST-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Neáng Đa R, sinh năm 1991; thường trú: Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh An Giang; tạm trú: Cư xá L, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Neáng Chanh N, sinh năm 1992; thường trú: Tổ 6, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ Bành Tú D, tổ 6, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Công ty TNHH S; địa chỉ: Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38, khu phố 8, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H; chức vụ: Nhân viên; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 31/3/2025). Có văn bản xin vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Khu phố 5, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có văn bản xin vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác: Không.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên họp, bà Neáng Đa R trình bày:

Từ tháng 4/2009 đến tháng 10/2023, bà Đa R làm việc tại Công ty TNHH I và có tham gia BHXH theo sổ sổ 7409160740.

Từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011, bà Đa R cho bà Neáng Chanh N mượn hồ sơ để làm việc tại Công ty TNHH S và có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN mã số BHXH 7409279325 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương.

Vì đóng trùng bảo hiểm xã hội nên bà Đa R không thực hiện được thủ tục để hưởng các quyền lợi, chế độ cho người lao động nghỉ việc. Do đó, bà Đa R yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neáng Đa R (do bà Neáng Chanh N ký hợp đồng) với Công ty TNHH S (thời gian làm việc từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011) bị vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), TNLĐ-BNN của bà Neáng Đa R như sau: Bà Neáng Đa R, sinh năm 1991, số chứng minh nhân dân 352136520 (số căn cước công dân 089191002723) được Công ty TNHH S tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN mã số BHXH 7409279325 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011. Bà Neáng Đa R chưa hưởng BHXH 1 lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN, đã hưởng chế độ ốm đau 39.519 đồng.

Bà Neáng Đa R còn được Công ty TNHH I tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN mã số BHXH 7409160740 từ tháng 4/2009 đến tháng 10/2023.

Thời gian đóng trùng BHXH giữa mã số BHXH 7409279325 với mã số BHXH 7409160740 từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S trình bày: Công ty có ký hợp đồng lao động với người lao động tên Neáng Đa R và đã tham gia bảo hiểm cho người lao động từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011. Công ty không biết việc người lao động sử dụng hồ sơ của bà Neáng Đa R xin việc làm. Vì vậy, bà Neáng Đa R yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Công ty không có ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Neáng Chanh N trình bày: Từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011, bà Neáng Chanh N có mượn hồ sơ của bà Neáng Đa R để xin việc tại Công ty TNHH S. Bà Neáng Chanh N đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neáng Đa R với Công ty TNHH S (từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011) là vô hiệu của người yêu cầu bà Neáng Đa R là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S và Bảo hiểm xã hội thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất trình bày: Người lao động tên bà Neáng Đa R, sinh năm 1991, số chứng minh nhân dân 352136520 (số căn cước công dân 089191002723) đã tham gia bảo hiểm xã hội:

Bà Neáng Đa R được Công ty TNHH S tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN mã số BHXH 7409279325 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011.

Bà Neáng Đa R còn được Công ty TNHH I tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN mã số BHXH 7409160740 từ tháng 4/2009 đến tháng 10/2023.

Thời gian đóng trùng BHXH giữa mã số BHXH 7409279325 với mã số BHXH 7409160740 từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011.

Các đương sự thống nhất quan hệ lao động giữa Công ty TNHH S và bà

Neáng Đa R phát sinh từ hợp đồng lao động vào tháng 10/2009. Tuy nhiên, bà Neáng Đa R không ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và không có làm việc tại công ty trong khoảng thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011. Vì trong thời gian trên bà Neáng Đa R làm việc tại Công ty TNHH I.

[2.2] Xét thấy, việc bà Neáng Đa R không có giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S mà do người khác sử dụng tên và số chứng minh nhân dân của bà Neáng Đa R giao kết hợp đồng lao động. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Bảo hiểm xã hội thành phố T đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Neáng Đa R bị trùng từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011. Do đó, bà Neáng Đa R yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Neáng Đa R với Công ty TNHH S từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Neáng Đa R phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 33, 39, 149, 367, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Neáng Đa R.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neáng Đa R, sinh năm 1991, số chứng minh nhân dân 352136520 (số căn cước công dân 089191002723) với Công ty TNHH S, thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Neáng Đa R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0005052 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Thị Hồng Thêm